

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3  
HYDRO POWER JOINT STOCK  
COMPANY - POWER NO.3**

Số: 980 -VB/PC3HP.Co-NV  
No.: 980 -VB/ PC3HP.Co-NV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 09 năm 2026  
Lam Dong, September 25, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG  
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:**

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

**To:**

- *Vietnam Exchange;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3/  
*Hydro Power Joint Stock Company - Power No.3*

- Mã chứng khoán / *Stock code*: DRL

- Địa chỉ/*Address*: Thôn Nhà Đèn, xã Đắc Wil, tỉnh Lâm Đồng / *Nha Den Village,  
Dak Wil Commune, Lam Dong Province.*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 02613 684 888; Fax: 02613 684 666

- E-mail: *thuydiendl3@gmail.com*

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Ngày 25 tháng 09 năm 2026, Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 đã thực hiện gửi Thông báo cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về "*Ngày đăng ký cuối cùng và chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2026 bằng tiền*", chi tiết như sau:

+ Tỷ lệ thực hiện: **15,00%/cổ phiếu** (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng)

+ Ngày đăng ký cuối cùng: **15/10/2026**

+ Ngày thanh toán: **28/10/2026**

- *On September 25, 2026, Hydro Power Joint Stock Company - Power No.3 sent a Notice to the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation on the "Last registration date and closing of the list of shareholders to exercise the right to receive*



the first interim dividend payment in 2026 in cash", details as follows, details as follows:

+ Execution rate: 15.00%/share (01 share gets 1.500 VND)

+ Last registration date: October 15, 2026

+ Payment date: October 28, 2026

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **25/09/2026** tại đường dẫn <http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong> /This information was published on the company's website on **25/09/2026**, as in the link: <http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Thông báo số 979-TB/PC3HP.Co-NV;
- Notice No. 979 -TB/PC3HP.Co-NV;

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THỦY  
ĐIỆN -  
ĐIỆN  
LỰC 3**

Digitally signed by CÔNG  
TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
- ĐIỆN LỰC 3  
DN: C=VN, L=ĐẮK NÔNG,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC  
3,  
OID.0.9.2342.19200300.10  
0.1.1=MST:0400456277,  
E=minhhoang2097@  
gmail.com  
Reason: I am the author of  
this document  
Location:  
Date: 2026.09.25  
13:41:37+07'00'  
Foxit PDF Reader Version:  
2024.3.0

**Đại diện tổ chức**

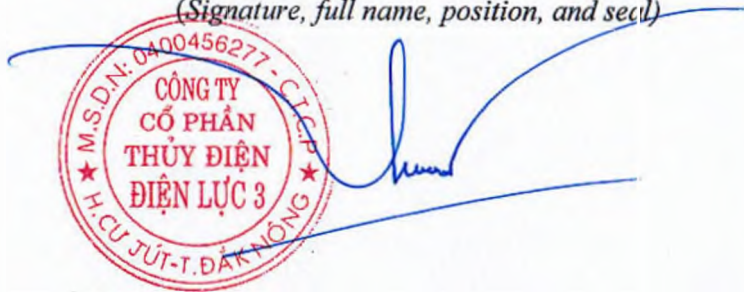
**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Vương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 979 - TB/PC3HP.Co-NV  
“V/v: chốt danh sách cổ đông để  
tạm ứng cổ tức bằng tiền”

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 09 năm 2026

**THÔNG BÁO**

**(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận  
tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2026)**

**Kính gửi:**

- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Tên Tổ chức chứng khoán: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Trụ sở chính: xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0261 3684 888; Fax: 0261 3684 666

**Chúng tôi thông báo đến Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:**

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Mã chứng khoán: DRL

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

Sàn giao dịch: HOSE

Ngày đăng ký cuối cùng: **15/10/2026**

**1. Lý do và mục đích:**

Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2026.

**2. Nội dung cụ thể:**

**Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2026:**

- Tỷ lệ thực hiện: **15,00%/cổ phiếu** (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng)
- Ngày thanh toán: **28/10/2026**
- Địa điểm thực hiện:

+ **Đối với chứng khoán lưu ký:** Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ **Đối với chứng khoán chưa lưu ký:** Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại: **Trụ sở Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3. Địa chỉ: Thôn Nhà Đền, xã Đăk Wil, tỉnh Lâm Đồng** (vào các ngày làm việc trong tuần) từ ngày **28/10/2026** và xuất trình căn cước công dân/căn cước.



**Đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên qua hệ thống cổng giao tiếp điện tử của VSDC.**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở GD&ĐT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thanh Vương**



**\* Tài liệu đính kèm**

- Bản sao Nghị quyết số 35-NQ/PC3HP.Co-ĐHCD, ngày 30/06/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

- Nghị quyết số 69-NQ/PC3HP.Co-HĐQT, ngày 25/09/2026 của HĐQT Công ty về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2026 bằng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

Số: 69-NQ/PC3HP.Co-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 9 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**V/v Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2026 bằng tiền**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;  
Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty;  
Căn cứ Nghị quyết số 35 - NQ/PC3HP.Co-ĐHCD, ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;  
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 nhất trí,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua tỷ lệ và ngày dự kiến để thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2026 bằng tiền cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 như sau:

- Tỷ lệ thực hiện: **15,00 %**/mệnh giá cổ phiếu - Tương đương 01 (một) cổ phiếu được nhận 1.500 đồng. *(Một cổ phiếu được nhận một nghìn năm trăm đồng)*

- Ngày dự kiến thực hiện chi trả cổ tức: **28/10/2026**

**Điều 2.** Giao Giám đốc Công ty thông báo cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam; Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh về ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông và thực hiện chi trả cổ tức theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các ông/bà: trong HĐQT, Giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Ánh**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - NĂM 2026**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;

Căn cứ Biên bản họp số 34 - BB/PC3HP.Co-ĐHCD ngày 30/06/2026 của ĐHCD thường niên năm 2026;

Ngày 30/06/2026, tại Hội trường Victoria 3, Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê, số 01-03 Phan Chu Trinh, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 được tổ chức với sự tham gia của 67 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu: 5.134.317 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 54,05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2026 Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3 quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

ĐHCD thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam, ký ngày 16 tháng 03 năm 2026.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.**

**Điều 3. Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng năm 2026.**

**Điều 4. Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch công tác năm 2026.**

**Điều 5. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:**

### 5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

| TT          | Chỉ tiêu                                              | Đơn vị tính     | Kế hoạch 2025         | Thực hiện 2025         | % TH năm 2025 so với KH 2025 |
|-------------|-------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|------------------------------|
|             | A                                                     | B               | (1)                   | (2)                    | (2)/(1)                      |
| <b>I</b>    | <b>Tổng sản lượng điện thương phẩm</b>                | <b>kWh</b>      | <b>75.300.000</b>     | <b>86.261.492</b>      | <b>114,56</b>                |
|             | <i>NMTĐ Drây H'Linh 2</i>                             | <i>kWh</i>      | <i>75.300.000</i>     | <i>86.261.492</i>      | <i>114,56</i>                |
| <b>II</b>   | <b>Tổng doanh thu</b>                                 | <b>đồng</b>     | <b>97.844.659.600</b> | <b>106.097.998.286</b> | <b>108,44</b>                |
| 1           | Doanh thu SXKD:                                       | đồng            | 94.364.659.600        | 102.656.163.320        | 108,79                       |
|             | <i>NMTĐ Drây H'Linh 2</i>                             | <i>đồng</i>     | <i>94.364.659.600</i> | <i>102.656.163.320</i> | <i>108,79</i>                |
|             | <i>Giá bán điện bình quân</i>                         | <i>đồng/kWh</i> | <i>1.097</i>          | <i>1.058</i>           | <i>96,44</i>                 |
| 2           | Doanh thu hoạt động tài chính                         | đồng            | 3.480.000.000         | 3.441.834.966          | 98,90                        |
| 3           | Doanh thu khác và thu nhập khác                       | đồng            | -                     | -                      | -                            |
| <b>III</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                                   | <b>đồng</b>     | <b>41.653.315.600</b> | <b>44.580.043.817</b>  | <b>107,03</b>                |
| 1           | Giá vốn hàng bán                                      | đồng            | 35.097.282.600        | 35.351.989.084         | 100,73                       |
| 2           | Chi phí tài chính                                     | đồng            | -                     | -                      | -                            |
|             | <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>                      | <i>đồng</i>     | <i>-</i>              | <i>-</i>               | <i>-</i>                     |
| 3           | Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | đồng            | 6.556.033.000         | 9.228.054.733          | 140,76                       |
| 4           | Chi phí khác                                          | đồng            | -                     | -                      | -                            |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                      | <b>đồng</b>     | <b>56.191.344.000</b> | <b>61.350.376.249</b>  | <b>109,18</b>                |
| 1           | Tổng lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG) | đồng            | 56.191.344.000        | 61.350.376.249         | 109,18                       |
| 1.1         | <i>Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)</i>      | <i>đồng</i>     | <i>52.711.344.000</i> | <i>58.076.119.503</i>  | <i>110,18</i>                |
| 1.2         | <i>Lợi nhuận hoạt động tài chính</i>                  | <i>đồng</i>     | <i>3.480.000.000</i>  | <i>3.274.256.746</i>   | <i>94,09</i>                 |
| 1.3         | <i>Lợi nhuận khác</i>                                 | <i>đồng</i>     | <i>-</i>              | <i>-</i>               | <i>-</i>                     |
| 2           | Lãi/lỗ CLTG (nếu có)                                  | đồng            | -                     | -                      | -                            |
| <b>V</b>    | <b>Thuế TNDN</b>                                      | <b>đồng</b>     | <b>11.238.268.600</b> | <b>12.404.231.353</b>  | <b>110,37</b>                |
| <b>VI</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                             | <b>đồng</b>     | <b>44.953.075.000</b> | <b>48.946.144.896</b>  | <b>108,88</b>                |
| <b>VII</b>  | <b>Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)</b>                        | <b>%</b>        | <b>39,64</b>          | <b>43,87</b>           | <b>110,69</b>                |
| <b>VIII</b> | <b>Cổ tức</b>                                         | <b>%</b>        | <b>44,00</b>          | <b>47,11</b>           | <b>107,07</b>                |

## 5.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

| STT       | Nội dung                                                                | Thuyết minh                    | Giá trị               | Ghi chú                                            |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng lợi nhuận phân phối</b>                                         | <b>(I1)+(I2)</b>               | <b>49.309.072.413</b> |                                                    |
| 1         | Lợi nhuận sau thuế TNDN                                                 |                                | 48.946.144.896        |                                                    |
| 2         | Lợi nhuận để lại các năm trước                                          |                                | 362.927.517           |                                                    |
| <b>II</b> | <b>Phương án phân phối lợi nhuận</b>                                    |                                | <b>49.309.072.413</b> |                                                    |
| 1         | Quỹ Đầu tư phát triển                                                   |                                | -                     |                                                    |
| 2         | Quỹ Khen thưởng phúc lợi (Trích bằng 03 tháng lương, thù lao thực hiện) |                                | 4.417.442.418         |                                                    |
| 3         | Cổ tức                                                                  |                                | 44.650.000.000        |                                                    |
|           | (Cổ tức đã tạm ứng năm 2025)                                            |                                |                       |                                                    |
|           | Đợt 1 năm 2025 (20%)                                                    |                                | 19.000.000.000        |                                                    |
|           | Đợt 2 năm 2025 (12%)                                                    |                                | 11.400.000.000        |                                                    |
|           | Còn lại năm 2025 (15%)                                                  |                                | 14.250.000.000        | Cổ tức còn lại 2025 sẽ chi trả trong năm 2026: 15% |
| 4         | Lợi nhuận để lại chuyển năm sau                                         | <b>(I-II.1-II.2-II.3-II.4)</b> | <b>241.629.995</b>    |                                                    |

Cổ tức được chi trả bằng tiền.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 ủy quyền cho HĐQT Công ty chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2025 chưa chi cho cổ đông của công ty, tương ứng với tỷ lệ là **15,00%** (tương ứng với số tiền: **14.250.000.000** đồng - Mười bốn tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

## Điều 6. Thông qua Kế hoạch Tài chính - Sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2026:

### 6.1. Các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2026:

| TT        | Chỉ tiêu                               | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026     | Kế hoạch năm 2025     | Tỷ lệ KH năm 2026 so với KH 2025 | Ghi chú   |
|-----------|----------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|-----------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng sản lượng điện thương phẩm</b> | <b>kWh</b>  | <b>75.760.000</b>     | <b>75.300.000</b>     | <b>100,61</b>                    | Phụ lục I |
|           | NMTĐ Drây H'Linh 2                     | kWh         | 75.760.000            | 75.300.000            | 100,61                           |           |
| <b>II</b> | <b>Tổng doanh thu</b>                  | <b>đồng</b> | <b>98.313.995.000</b> | <b>97.844.659.600</b> | <b>100,48</b>                    |           |
| 1         | Doanh thu SXKD:                        | đồng        | 94.843.995.000        | 94.364.659.600        | 100,51                           |           |
|           | NMTĐ Drây H'Linh 2                     | đồng        | 94.843.995.000        | 94.364.659.600        | 100,51                           |           |
|           | Giá bán điện bình quân                 | đồng/kWh    | 1.081                 | 1.098                 | 98,45                            |           |

| TT          | Chỉ tiêu                                              | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026     | Kế hoạch năm 2025     | Tỷ lệ KH năm 2026 so với KH 2025 | Ghi chú    |
|-------------|-------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|------------|
| 2           | Doanh thu hoạt động tài chính                         | đồng        | 3.470.000.000         | 3.480.000.000         | 99,71                            |            |
| 3           | Doanh thu khác và thu nhập khác                       | đồng        | -                     | -                     | -                                |            |
| <b>III</b>  | <b>Tổng chi phí</b>                                   | <b>đồng</b> | <b>43.353.703.000</b> | <b>41.653.315.600</b> | <b>104,08</b>                    | Phụ lục II |
| 1           | Giá vốn hàng bán                                      | đồng        | 36.849.588.000        | 35.097.282.600        | 104,99                           |            |
| 2           | Chi phí tài chính                                     | đồng        | -                     | -                     | -                                |            |
| 3           | Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | đồng        | 6.504.115.000         | 6.556.033.000         | 99,21                            |            |
| 4           | Chi phí khác                                          | đồng        | -                     | -                     | -                                |            |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                      | <b>đồng</b> | <b>54.960.292.000</b> | <b>56.191.344.000</b> | <b>97,81</b>                     |            |
| 1           | Tổng lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG) | đồng        | 54.960.292.000        | 56.191.344.000        | 97,81                            |            |
| 1.1         | Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)             | đồng        | 51.490.292.000        | 52.711.344.000        | 97,68                            |            |
| 1.2         | Lợi nhuận hoạt động tài chính                         | đồng        | 3.470.000.000         | 3.480.000.000         | 99,71                            |            |
| 1.3         | Lợi nhuận khác                                        | đồng        | -                     | -                     | -                                |            |
| 2           | Lãi/lỗ CLTG (nếu có)                                  | đồng        | -                     | -                     | -                                |            |
| <b>V</b>    | <b>Thuế TNDN</b>                                      | <b>đồng</b> | <b>10.992.058.000</b> | <b>11.238.269.000</b> | <b>97,81</b>                     |            |
| <b>VI</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                             | <b>đồng</b> | <b>43.968.234.000</b> | <b>44.953.075.000</b> | <b>97,81</b>                     |            |
| <b>VII</b>  | <b>Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)</b>                        | <b>%</b>    | <b>40,08</b>          | <b>39,64</b>          | <b>101,11</b>                    |            |
| <b>VIII</b> | <b>Cổ tức</b>                                         | <b>%</b>    | <b>43,00</b>          | <b>44,00</b>          | <b>97,73</b>                     |            |

## 6.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: Không trích
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: Không quá 3 tháng lương bình quân.
- Tỷ lệ chia cổ tức: **43,00 %**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ, lựa chọn thời điểm, phương thức tạm ứng cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2026 cho cổ đông công ty.

**Điều 7. Thông qua mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2025 và Kế hoạch lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2026:**

### 7.1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, BKS và người quản lý năm 2025:

Thông nhất thông qua mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý công ty trong năm 2025 chi tiết như sau:

| TT         | Chức vụ                                            | Số người | Thù lao (TL) /Tiền lương (L) thực hiện năm 2025 |                      |
|------------|----------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------|----------------------|
|            |                                                    |          | Tháng (đồng/người)                              | Cả năm (đồng)        |
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b>                           | <b>5</b> |                                                 | <b>1.359.360.000</b> |
| 1          | Chủ tịch HĐQT chuyên trách (L)                     | 1        | 67.200.000                                      | 806.400.000          |
| 2          | Thành viên HĐQT (TL)                               | 4        | 11.520.000                                      | 552.960.000          |
| <b>II</b>  | <b>Ban Kiểm soát</b>                               | <b>3</b> |                                                 | <b>564.480.000</b>   |
| 1          | Trưởng BKS chuyên trách (L)<br>(Làm việc 03 tháng) | 1        | 60.000.000                                      | 180.000.000          |
| 2          | Trưởng BKS (TL)<br>(Làm việc 09 tháng)             | 1        | 12.000.000                                      | 108.000.000          |
| 3          | Kiểm soát viên (TL)                                | 2        | 11.520.000                                      | 276.480.000          |
| <b>III</b> | <b>Giám đốc (L)</b>                                | <b>1</b> | <b>62.400.000</b>                               | <b>748.800.000</b>   |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                   |          |                                                 | <b>2.672.640.000</b> |

### 7.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, BKS năm 2026:

Thông nhất thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2026 chi tiết như sau:

| TT         | Chức vụ                        | Số người | Thù lao (TL) /Tiền lương (L) Kế hoạch năm 2026 |                      |
|------------|--------------------------------|----------|------------------------------------------------|----------------------|
|            |                                |          | Tháng (đồng/người)                             | Cả năm (đồng)        |
| <b>I</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b>       | <b>5</b> |                                                | <b>1.132.800.000</b> |
| 1          | Chủ tịch HĐQT chuyên trách (L) | 1        | 56.000.000                                     | 672.000.000          |
| 2          | Thành viên HĐQT (TL)           | 4        | 9.600.000                                      | 460.800.000          |
| <b>II</b>  | <b>Ban Kiểm soát</b>           | <b>3</b> |                                                | <b>350.400.000</b>   |
| 1          | Trưởng BKS (TL)                | 1        | 10.000.000                                     | 120.000.000          |
| 2          | Kiểm soát viên (TL)            | 2        | 9.600.000                                      | 230.400.000          |
| <b>III</b> | <b>Giám đốc (L)</b>            |          | <b>52.000.000</b>                              | <b>624.000.000</b>   |
|            | <b>Tổng cộng</b>               |          |                                                | <b>2.107.200.000</b> |

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty sẽ thực hiện quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người quản lý công ty năm 2026 vận dụng quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ; Quy chế về công tác lao động và tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

**Điều 8. Thông qua thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ năm 2025 và kế hoạch ĐTXD năm 2026.**

**8.1. Thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ năm 2025:**

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Danh mục                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Kế hoạch năm 2025    | Thực hiện năm 2025   | % TH/KH        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------|
|     | <i>A</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <i>1</i>             | <i>2</i>             | <i>(2)/(1)</i> |
| I   | Trả nợ gốc vay (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                    | -                    | -                    |                |
| II  | Đầu tư xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4.100.000.000        | 3.872.637.400        | 94,45          |
| 1   | Công trình: Xây dựng nhà ăn, nhà nghỉ ca cho công nhân Nhà máy Thủy điện Drây H'Linh 2.<br>* Quy mô:<br>- Phần xây dựng nhà cấp 4: 300m <sup>2</sup> ;<br>- Đường nội bộ và sân bê tông: 480m <sup>2</sup> ;<br>- Trang bị đầy đủ thiết bị và nội thất phòng nghỉ, phòng bếp và nhà ăn ca. | 4.100.000.000        | 3.872.637.400        | 94,45          |
| III | Mua sắm tài sản cố định phục vụ SXKD                                                                                                                                                                                                                                                       | -                    | -                    | -              |
| IV  | Khác                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 778.255.200          | 754.907.544          | 97,00          |
| 1   | Hạng mục: Trạm xử lý nước thải, lọc dầu công suất 20m <sup>3</sup> /ngày.đêm và nước thải sinh hoạt công suất 3m <sup>3</sup> /ngày.đêm<br>Thuộc công trình: Cấp giấy phép môi trường cho NMTĐ Drây H'Linh 2                                                                               | 778.255.200          | 754.907.544          | 97,00          |
|     | <b>Tổng cộng (I+II+III+IV)</b>                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>4.878.255.200</b> | <b>4.627.544.944</b> | <b>94,86</b>   |

**8.2. Kế hoạch ĐTXD và mua sắm TSCĐ năm 2026:**

• *Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Danh mục                                             | Kế hoạch năm 2026 |
|-----|------------------------------------------------------|-------------------|
| I   | Trả nợ gốc vay (nếu có)                              | 0                 |
| II  | Đầu tư xây dựng                                      | 867.457.000       |
| 1   | Công trình: Nâng cấp, cải tạo sân NMTĐ Drây H'Linh 2 | 867.457.000       |

| STT         | Danh mục                                                                                                      | Kế hoạch năm 2026    |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>III</b>  | <b>Mua sắm tài sản cố định phục vụ SXKD</b>                                                                   | <b>2.375.800.000</b> |
| 1           | Mua sắm, thay thế Máy cắt chân không 40,5kV ngoài trời                                                        | 630.600.000          |
| 2           | Mua sắm, thay thế máy cắt 0,4kV - 630A                                                                        | 85.000.000           |
| 3           | Mua sắm, thay thế bơm dầu áp lực số 2 tổ máy H1 và số 1 tổ máy H2 NMTĐ Drây H'Linh 2                          | 1.360.200.000        |
| 4           | Mua sắm và thay thế van giảm áp DN150 loại SL200X                                                             | 100.000.000          |
| 5           | Mua sắm và thay thế bộ nạp ác quy NMTĐ Drây H'Linh 2                                                          | 125.000.000          |
| 6           | Máy chà sàn đẩy tay                                                                                           | 40.000.000           |
| 7           | Máy đo điện trở tiếp xúc                                                                                      | 35.000.000           |
| <b>IV</b>   | <b>Khác (IV.1+IV.2)</b>                                                                                       | <b>5.685.604.000</b> |
| <b>IV.1</b> | <b>Công trình đã phê duyệt năm 2025 chuyển tiếp thực hiện năm 2026</b>                                        | <b>2.156.661.000</b> |
| 1           | Nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H1 NMTĐ Drây H'Linh 2                                                       | 2.156.661.000        |
| <b>IV.2</b> | <b>Các Công trình đề xuất phê duyệt thực hiện năm 2026</b>                                                    | <b>3.528.943.000</b> |
| 1           | Nâng cấp, cải tạo hệ thống báo cháy tự động NMTĐ Drây H'Linh 2                                                | 565.585.000          |
| 2           | Nâng cấp hệ thống PLC điều khiển tự động và hệ thống giám sát, đo lường nhiệt độ tổ máy H2 NMTĐ Drây H'Linh 2 | 1.107.800.000        |
| 3           | Nâng cấp hệ thống role bảo vệ khối Máy phát - Máy biến áp tổ máy H1 NMTĐ Drây H'Linh 2                        | 1.413.358.000        |
| 4           | Nâng cấp hệ thống đo đếm điện năng NMTĐ Drây H'Linh 2                                                         | 442.200.000          |
|             | <b>Tổng cộng (I+II+III+IV)</b>                                                                                | <b>8.928.861.000</b> |

## **Điều 9. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2026.**

Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau phù hợp để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam;
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
3. Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam.

**Điều 10. Thông qua việc thực hiện giao dịch với bên có liên quan.**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3;*

*Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;*

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua giao dịch bán điện thương phẩm trong năm 2026 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 cho Tổng Công ty Điện lực miền Trung theo Hợp đồng mua bán điện số 05/2011/Đrây H'Linh 2/EVN CPC-CF TĐ ĐL3, ngày 31/05/2011 với giá bán điện theo quy định về biểu giá chi phí tránh được năm 2026 theo Quyết định số 392/QĐ-BCT ngày 06/03/2026 của Bộ Công thương.

**Điều 11. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông Lưu Văn Thuận – Chủ tịch HĐQT.****Điều 12. Bầu cử 01 thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2026 - 2031:**

Thông qua danh sách các ứng cử viên tham gia bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 - 2031 (Xếp theo thứ tự ABC):

| TT | Họ và tên          | Ghi chú |
|----|--------------------|---------|
| 1  | Nguyễn Thanh Vương |         |

**Kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2026- 2031 như sau:**  
(Xếp theo thứ tự tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp)

| TT | Họ và tên          | Kết quả bầu cử |            |         |          |
|----|--------------------|----------------|------------|---------|----------|
|    |                    | Số phiếu bầu   | Số cổ phần | Tỷ lệ   | Kết quả  |
| 1  | Nguyễn Thanh Vương | 79             | 5.062.199  | 100,00% | Trúng cử |

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 thông qua toàn văn tại cuộc họp thường niên năm 2026.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30/06/2026.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP.HCM; (để CBTT)
- Trung tâm Lưu ký CK;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Website: [www.pc3hp.com.vn](http://www.pc3hp.com.vn);
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Lưu Văn Thuận**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0400456277**

*Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 11 năm 2003*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 02 tháng 07 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HYDRO POWER JOINT STOCK  
COMPANY-POWER NO 3

Tên công ty viết tắt: PC3, HP.CO

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Thôn Nhà Đèn , Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam*

Điện thoại: 02613684888

Số Fax:

Thư điện tử: *thuydiendl3@gmail.com*

Website: *https://pc3hp.com.vn*

**3. Vốn điều lệ: 95.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 9.500.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THANH VƯƠNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh:

*Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân:

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc:

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Trần Loan Anh*